

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1936/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng
Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị tỉnh Quảng Trị đến năm 2035,
tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị và Báo cáo thẩm định của Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị tỉnh Quảng Trị đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi, ranh giới:

Phạm vi lập quy hoạch có diện tích 23.792 ha, bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của 17 xã, thị trấn phía Đông Nam của tỉnh Quảng Trị, thuộc các huyện Hải Lăng, Triệu Phong và Gio Linh. Ranh giới khu vực quy hoạch được giới hạn như sau:

- Phía Đông giáp: Biển Đông;

- Phía Tây giáp: Các xã Triệu Độ, Triệu Đại, Triệu Hòa, Triệu Tài, Triệu Trung (huyện Triệu Phong), Hải Xuân, Hải Thượng, Hải Thiện, Hải Thành, Hải Hòa (huyện Hải Lăng);

- Phía Bắc giáp: Các xã Trung Giang, Gio Mỹ, Gio Thành, Gio Châu (huyện Gio Linh);

- Phía Nam giáp: Huyện Phong Điền thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Tính chất:

- Là Khu kinh tế biển đa ngành, điểm đột phá của tỉnh Quảng Trị; Khu vực có đô thị với tiêu chí tương đương đô thị loại 3;

- Là cực phát triển của vùng Trung bộ, trung tâm lớn về công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng, điện năng, du lịch, thương mại dịch vụ và cảng biển nước sâu của vùng Trung bộ;

- Là một trong những Trung tâm giao thương của khu vực ASEAN và châu Á - Thái Bình Dương;

- Là địa bàn trọng điểm về quốc phòng, an ninh.

3. Mục tiêu

- Xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị phù hợp với chiến lược phát triển quốc gia và chiến lược phát triển biển Việt Nam;

- Xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị thành khu vực phát triển kinh tế năng động, bền vững. Là trung tâm thu hút về đầu tư và Trung tâm trung chuyển hàng hóa của vùng và khu vực; gắn kết chặt chẽ phát triển với đảm bảo quốc phòng, an ninh;

- Xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị thành khu vực phát triển đột phá tạo động lực phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Trị; có hệ thống cơ sở kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội đồng bộ, hiện đại; không gian kiến trúc cảnh quan, đô thị văn minh, tiên tiến, môi trường bền vững và sử dụng đất đai hiệu quả;

- Làm cơ sở pháp lý để tiếp tục triển khai các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu chức năng thuộc Khu kinh tế, các điểm dân cư nông thôn, các quy hoạch ngành, thu hút các nguồn vốn đầu tư và đề xuất các cơ chế chính sách thực hiện.

4. Dự báo phát triển:

a) Quy mô dân số

- Đến năm 2025 đạt khoảng 110.000 người, dân số đô thị khoảng 45.000 người; tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 41%;

- Đến năm 2035 đạt khoảng 160.000 người, dân số đô thị khoảng 90.000 người; tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 56%.

b) Quy mô đất đai:

- Đến năm 2025 đất xây dựng các khu chức năng Khu kinh tế khoảng 6.433 ha. Trong đó, đất xây dựng công nghiệp khoảng 1.345 ha, đất xây dựng đô thị khoảng 700 ha, chỉ tiêu khoảng 200 m²/người; đất xây dựng tái định cư khoảng 192 ha, chỉ tiêu khoảng 400 m²/người; đất xây dựng khu ở công nhân và chuyên gia khoảng 122 ha, chỉ tiêu khoảng 120 m²/người;

- Đến năm 2035 đất xây dựng các khu chức năng Khu kinh tế đạt khoảng 13.461 ha. Trong đó, đất xây dựng công nghiệp khoảng 3.682 ha, đất xây dựng đô thị khoảng 1.350 ha, chỉ tiêu khoảng 150 m²/người; đất xây dựng tái định cư 383 ha, bình quân 300 m²/người; đất xây dựng khu ở công nhân và chuyên gia khoảng 122 ha, chỉ tiêu khoảng 120 m²/người.

5. Định hướng phát triển không gian:

a) Định hướng, tầm nhìn giai đoạn đến năm 2050

Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị sẽ trở thành một khu kinh tế năng động, hiện đại và hiệu quả, có tầm cỡ trong khu vực Trung bộ, quốc gia và khu vực ASEAN; là một cửa ngõ giao lưu quốc tế về phía biển Đông của Việt Nam. Trở thành khu vực phát triển hài hòa, bền vững, có sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại và là khu vực có đô thị với kiến trúc cảnh quan đẹp, ấn tượng.

b) Phân khu chức năng:

Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị được phân thành 04 khu vực phát triển như sau:

- Khu vực 1: Có diện tích khoảng 11.469 ha, vị trí ở phía Đông Nam Khu kinh tế. Là khu vực trọng tâm phát triển, bố trí các dự án động lực của toàn khu kinh tế như: Trung tâm điện lực, khu phức hợp năng lượng, khu công nghiệp, khu đô thị, dịch vụ công cộng, khu hành chính, cảng biển nước sâu và khu phi thuế quan.

- Khu vực 2: Có diện tích khoảng 2.221 ha, vị trí ở phía Đông Bắc sông Cửa Việt. Là khu vực phát triển dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng ven biển và đô thị Cửa Việt tập trung phát triển dịch vụ hỗ trợ cho khu vực trung tâm Khu kinh tế.

- Khu vực 3: Có diện tích khoảng 3.400 ha, vị trí ở phía Tây Bắc sông Cửa Việt. Là khu vực phát triển đầu mối hạ tầng cấp vùng với trọng tâm là cảng hàng không sân bay Quảng Trị và phát triển dịch vụ cao cấp.

- Khu vực 4: Có diện tích khoảng 6.702 ha, vị trí ở phía Tây Khu kinh tế (gắn liền với Quốc lộ 49C). Là vùng phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao; khu vực dự trữ phát triển mở rộng cho vùng trọng tâm và ổn định các điểm dân cư hiện hữu.

c) Định hướng phát triển không gian

- Khu phi thuế quan: Quy mô diện tích khoảng 275 ha, vị trí ở khu vực phía Tây Nam cảng biển, kế cận tuyến đường chính Khu kinh tế và trục Quốc lộ 15D. Khu phi thuế quan có hướng tiếp cận trực tiếp với một phần cảng biển nước sâu Mỹ Thủy.

- Khu cảng biển Mỹ Thủy: Có diện tích khoảng 955 ha, vị trí ở phía Bắc xã Hải An và bên cạnh Trung tâm Điện lực Quảng Trị.

- Khu trung tâm nhiệt điện: Có diện tích khoảng 650 ha, bao gồm:

+ Trung tâm Điện lực Quảng Trị, diện tích khoảng 450 ha, bố trí tại xã Hải Khê, một phần tại Hải An và Hải Dương; giai đoạn 1 công suất 1.200 MW, giai đoạn 2 công suất 2.400 MW.

+ Khu vực cây xanh phòng hộ ven biển đồng thời tạo dải cây xanh cách ly an toàn với các điểm dân cư xung quanh.

+ Khu đất phía Tây Trung tâm điện lực Quảng Trị: Xây dựng khu hỗ trợ kỹ thuật cho nhà máy nhiệt điện có diện tích khoảng 145 ha và khu vực dự trữ phát triển có diện tích khoảng 55 ha.

- Khu phức hợp năng lượng: Có diện tích khoảng 680 ha, vị trí ở giáp phía Bắc Cảng Mỹ Thủy: Xây dựng kho dầu và khí với diện tích khoảng 155 ha; tạo dải cây xanh và hành lang dọc tuyến ống dẫn dầu, dẫn khí; bố trí dải cây xanh cách ly đảm bảo an toàn xung quanh khu vực kho và nhà máy.

- Các khu công nghiệp đa ngành, kho tàng: Có diện tích khoảng 1.352 ha, bao gồm:

+ Khu công nghiệp đa ngành Triệu Sơn, Triệu Trạch: Diện tích khoảng 1.287 ha, vị trí ở các khu vực cồn cát thuộc xã Triệu Sơn, Triệu Trạch. Bố trí các loại hình công nghiệp: Cơ khí, lắp ráp, dệt may, đóng gói, chế biến nông - lâm - thủy hải sản, công nghiệp vật liệu mới, vật liệu xây dựng, gốm sứ thủy tinh...

+ Khu kho tàng chung: Có diện tích khoảng 65 ha, ngoài ra tại các khu chức năng và công nghiệp được bố trí kho tàng riêng.

- Các khu trung tâm: Trung tâm công cộng, điều hành quản lý: Có diện tích khoảng 110 ha, vị trí ở xã Triệu Lăng. Chức năng chính là trung tâm công cộng, trung tâm điều hành, trung tâm dịch vụ, thương mại, tài chính ngân hàng. Xây dựng khu văn phòng, khu nhà ở chuyên gia cao cấp và khu công viên trung tâm; trung tâm đào tạo có diện tích khoảng 92 ha, vị trí ở đô thị Nam Cửa Việt.

- Các khu, dịch vụ du lịch: Có diện tích 471 ha, bao gồm: Các khu, điểm du lịch biển tại Cửa Việt, Triệu An và Triệu Vân, một phần bố trí tại Triệu Lăng và Hải Khê. Khai thác các dải ven biển có cảnh quan và bãi tắm hiện hữu, xây dựng phát triển thành các khu du lịch nghỉ dưỡng.

- Các đô thị và khu dân cư:

+ Đô thị Cửa Việt: Có tổng diện tích khoảng 1.350 ha, dân số khoảng 90.000 người, bao gồm: Thị trấn Cửa Việt, khu đô thị Nam Cửa Việt, khu đô thị Bồ Bản.

+ Các khu tái định cư, nhà ở công nhân và chuyên gia: Có diện tích khoảng 505 ha, bao gồm: Khu tái định cư Hải Khê - Hải Dương, quy mô khoảng 183 ha. Là khu tái định cư phục vụ dự án xây dựng Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1; khu tái định cư xã Hải An, quy mô khoảng 170 ha. Là khu tái định cư cho dự án xây dựng cảng biển Mỹ Thủy; khu tái định cư tại chỗ thuộc xã Triệu Lăng, quy mô khoảng 30 ha; khu nhà ở dành cho công nhân và chuyên gia, quy mô khoảng 122 ha, vị trí ở phía Nam khu tái định cư Hải Khê.

- Hệ thống cây xanh công viên, không gian xanh

Bảo vệ hệ thống cây xanh sinh thái ven sông, ven biển, trên các đồi cồn hiện có và hệ thống cây xanh tại các khu vực làng xóm hiện hữu; tăng cường các sân thể thao có quy mô nhỏ tại các khu vực trường học, khu vực công cộng để phục vụ cộng đồng.

+ Cây xanh công viên: Tổng diện tích khoảng 143 ha, được bố trí tại đô thị Nam Cửa Việt, khu trung tâm công cộng và các cửa ngõ dẫn vào khu trung tâm.

+ Cây xanh cách ly: Được bố trí dọc theo tuyến Đường tỉnh 581, khu vực đất dự trữ xây dựng công trình thoát lũ cấp vùng, các không gian trống, nghĩa trang và các khu vực mặt nước hiện có trong khu vực.

+ Cây xanh cảnh quan, sinh thái: Tổng diện tích khoảng 4.272 ha, trong đó bao gồm các loại cây xanh tự nhiên, sinh thái, cảnh quan, lúa, hoa màu, rừng.

- Hệ thống điểm dân cư nông thôn: Có tổng diện tích khoảng 1.484 ha. Cải tạo, chỉnh trang các điểm dân cư nông thôn, hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, tiếp cận tiện ích đô thị và có khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu.

Phát triển mô hình “Nông nghiệp - đô thị”, duy trì hệ sinh thái nông - lâm - ngư nghiệp hiện hữu, phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng áp dụng công nghệ cao; nâng cấp các trung tâm xã hiện hữu theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới; xây dựng các trung tâm hỗ trợ sản xuất nông nghiệp như: Trung tâm nghề cá, chế biến nông lâm thủy sản và các điểm tiêu thụ công nghiệp với quy mô nhỏ.

6. Thiết kế đô thị:

a) Định hướng chung: Xây dựng một Khu kinh tế biển hiện đại, đặc trưng của miền Trung, cửa ngõ giao lưu quốc tế. Là khu vực hấp dẫn có cảnh quan ven biển ấn tượng, mang đậm dấu ấn lịch sử, với bản sắc đa văn hóa mang tầm khu vực, kết hợp văn hóa các nước tiểu vùng sông Mekong.

Mật độ xây dựng cao tập trung tại các khu vực trung tâm công cộng. Xây dựng mật độ thấp theo hướng sinh thái tại các khu đô thị, khu dân cư, dọc theo bờ biển và ven sông. Ôn định hành lang cây xanh rừng phòng hộ ven biển.

Công trình cao tầng bố trí tại khu vực trung tâm Khu kinh tế, trung tâm của các khu chức năng. Trên các tuyến đường chính trực ngang hướng ra biển, tạo điểm nhấn tại các khu trung tâm và các khu vực cửa ngõ.

b) Thiết kế đô thị các khu vực trọng điểm

- Đô thị Cửa Việt: Khu vực ven biển xây dựng trung tâm du lịch nghỉ dưỡng tầm cỡ khu vực và quốc tế. Tuyến đường ven biển có chức năng là tuyến du lịch, dịch vụ thương mại, giải trí. Tăng cường không gian cộng đồng: Tuyến đi bộ, quảng trường, công viên hướng biển... Tạo điểm nhấn đô thị xung quanh các không gian mở, chỉnh trang diện mạo kiến trúc cảnh quan đặc trưng, gắn với văn hóa đa dạng của các nước Việt Nam - Lào - Thái và không gian biển.

- Đô thị mới Nam Cửa Việt và Bô Bản xây dựng theo mô hình đô thị sinh thái, tăng cường cây xanh mặt nước, hài hòa với cảnh quan sinh thái vùng cửa sông, cửa biển.

- Khu trung tâm công cộng: Xây dựng hiện đại trung tâm thương mại, tài chính ngân hàng, văn phòng đại diện, trung tâm mua sắm, trưng bày sản phẩm, các khu hỗn hợp chức năng; xây dựng quảng trường biển và công viên biển làm trung tâm cảnh quan, tạo dựng biểu tượng cho sự thịnh vượng và phát triển của Khu kinh tế.

- Xây dựng cảnh quan đặc trưng trong các không gian mở, không gian công cộng; khu văn hóa, thể thao, du lịch; khu vực quảng trường trung tâm và không gian cảnh quan sinh thái nông nghiệp, sông, hồ mặt nước.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kinh tế:

a) Cơ sở đào tạo, giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao:

- Cơ sở đào tạo: Xây dựng trường đào tạo nghề tại đô thị Nam Cửa Việt, có diện tích khoảng 92 ha với quy mô đào tạo khoảng 5.000 - 7.000 học viên/năm.

- Hệ thống giáo dục: Xóa 100% phòng học tạm, xuống cấp; xây dựng mới 12 trường mầm non tại các xã và khu dân cư đô thị. Xây dựng mới 04 trường trung học cơ sở, 01 trường trung học phổ thông tại khu dân cư Nam Cửa Việt và 02 trường tiểu học tại khu nhà ở công nhân, chuyên gia và khu tái định cư Hải Khê.

- Hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng: Hoàn thiện, cải tạo các cơ sở y tế hiện có, phục vụ cộng đồng theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Chỉ tiêu giường bệnh đạt tương đương tiêu chí đô thị loại III.

Xây dựng mới Trung tâm y tế tại khu đô thị Nam Cửa Việt. Nâng cấp cải tạo cơ sở vật chất và trang thiết bị cho Trung tâm y tế tại thị trấn Cửa Việt; xây dựng trung tâm y tế chất lượng cao tại khu đô thị mới Triệu Lăng với quy mô 50 giường; xây dựng mới một số trạm xá khu vực tại các khu tái định cư và trong các khu công nghiệp có đông công nhân.

- Thiết chế văn hóa, thể dục thể thao: Hoàn chỉnh mạng lưới công trình văn hóa theo tầng, bậc ở các khu đô thị và điểm dân cư nông thôn; bảo vệ các công trình di tích văn hóa hiện hữu; xây dựng lộ trình, cải tạo chỉnh trang, xây mới các công trình văn hóa. Hoàn thiện, cải tạo nâng cấp các cơ sở thể thao hiện có, sân thể thao các xã, điểm dân cư theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam tương đương cấp đô thị loại III. Tăng cường công trình thể thao tại các trường học và điểm dân cư.

b) Thương mại, dịch vụ và sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp:

- Thương mại, dịch vụ:

+ Khu trung tâm: Xây dựng 01 Trung tâm mua sắm hạng 1 tại khu trung tâm công cộng (thuộc xã Triệu Lăng) và 01 siêu thị tại khu vực Nam Cửa Việt, xây dựng mới các tuyến và trục phố thương mại;

+ Khu vực nông thôn: Cải tạo nâng cấp các chợ truyền thống hiện có tại các xã, chú trọng mở rộng các khu vực thu mua nông sản; hình thành mạng lưới trung tâm mua sắm thương mại, dịch vụ tổng hợp, hợp tác xã thương mại, chợ bản lẻ, cửa hàng tiện lợi, và cửa hàng tạp hóa...;

+ Khu vực đầu mối: Hình thành 01 khu dịch vụ tiếp vận trung chuyển hàng hóa (Logistics) gần khu vực cảng biển; hình thành mạng lưới trung tâm bán buôn mua sắm vùng (diện tích khoảng 20 ha mỗi trung tâm) gần với khu vực đầu mối giao thông. Phân bố hệ thống thương mại sẽ được triển khai cụ thể trong quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết, quy hoạch chuyên ngành.

- Sản xuất nông, lâm nghiệp:

+ Đối với nông nghiệp: Chuyển đổi sản xuất nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa, chất lượng cao, công nghệ cao, sạch, gắn với ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại; phát triển mô hình trang trại chăn nuôi và trang trại tổng

hợp; thực hiện các giải pháp xử lý ô nhiễm môi trường; gắn kết sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến và ngành thương mại để bảo đảm khả năng tiêu thụ sản phẩm trồng trọt;

+ Đối với lâm nghiệp: Khoanh vùng bảo vệ các diện tích rừng ngập mặn, nhằm gìn giữ môi trường và một phần phục vụ du lịch; khoanh định các diện tích rừng trồng phục vụ cho các khu tái định cư gắn với nghề trồng rừng tại các khu vực như: Hải An, Hải Khê, Hải Dương.

8. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Định hướng quy hoạch giao thông:

- Đường bộ:

Giao thông đối ngoại: Xây dựng 03 trục đường tiếp cận chính vào Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, bao gồm:

+ Tuyến phía Bắc: Nâng cấp Quốc lộ 9 (đoạn từ ngã tư Sông đến cầu cửa Việt) với quy mô mặt cắt là 140 m;

+ Tuyến phía Tây: Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 49C (đoạn từ thị xã Quảng Trị với trung tâm Khu kinh tế) với quy mô mặt cắt 63 m;

+ Tuyến phía Nam: Nâng cấp Quốc lộ 15D (đoạn từ cảng Mỹ Thủy đến Quốc lộ 1) với quy mô mặt cắt 200 m (bao gồm hành lang hạ tầng và cây xanh cách ly).

Giao thông đối nội:

+ Xây dựng 02 tuyến đường trục chính dọc Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị xuyên suốt theo hướng Bắc - Nam;

+ Xây dựng các tuyến đường trục ngang Đông Tây đạt tiêu chuẩn đường cấp 1 đồng bằng, kết nối Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị với Quốc lộ 1 và tuyến đường cao tốc Cam Lộ - Túy Loan;

+ Xây dựng hệ thống giao thông nông thôn theo tiêu chí nông thôn mới.

- Đường thủy:

+ Khu vực Cảng Cửa Việt: Là cảng tổng hợp địa phương kết hợp vận chuyển hành khách phục vụ giao thông giữa huyện đảo Cồn Cỏ và đất liền. Đến năm 2025, đạt công suất khoảng 1,5 triệu tấn/năm và đến năm 2035 đạt công suất khoảng 2,0 triệu tấn/năm;

+ Cảng Mỹ Thủy là cảng tổng hợp, đến năm 2025 đạt công suất 13,5 triệu tấn/năm và đến năm 2035 đạt công suất 27 triệu tấn/năm.

- Đường sắt:

+ Xây dựng mới tuyến đường sắt từ Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị kết nối với hệ thống đường sắt quốc gia. Hướng tuyến theo Hành lang kinh tế Đông Tây (bắt đầu từ điểm kết nối với tuyến đường sắt Cam Lộ - Lao Bảo, đi song song với đường tránh Quốc lộ 9 qua Thành phố Đông Hà, theo tuyến trục dọc giao thông phía Đông Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị qua khu vực Cảng Mỹ Thủy, đi chung hành lang với tuyến đường bộ Cảng Mỹ Thủy - Quốc lộ 1);

+ Ga hàng hóa: Xây dựng 01 ga đầu mối hàng hóa tại khu vực phía Bắc Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, tiếp cận khu trung tâm công nghiệp đa ngành; 01 ga tiền cảng nội bộ Cảng Mỹ Thủy hỗ trợ vận tải hàng hóa đường bộ - đường sắt - đường thủy.

- Hàng không: Xây dựng Cảng hàng không, sân bay Quảng Trị theo Quy hoạch phát triển giao thông vận tải hàng không đến năm 2020, định hướng đến năm 2050.

- Hệ thống công trình giao thông: Xây dựng cảng cạn ICD quy mô 30 ha tại khu vực điểm giao cắt giữa Quốc lộ 15D với đường cao tốc Cam Lộ - Túy Loan.

- Hệ thống bến bãi: Bến, bãi đỗ xe được đề xuất bố trí cụ thể cho từng khu vực. Tỷ lệ bãi đỗ xe phục vụ giao thông đảm bảo 2,5% diện tích xây dựng và sẽ được cụ thể hóa trong quá trình triển khai lập quy hoạch phân khu.

+ Bến xe khách: Bố trí 01 bến xe tại phía Bắc Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị (quy mô khoảng 1,9 ha) và 01 bến xe tại phía Nam (quy mô khoảng 3 ha);

+ Bến xe tải: Bố trí 01 bến xe tại khu vực công nghiệp phía Bắc Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, gần ga hàng hóa (quy mô khoảng 2,0 ha) và 01 bến xe tại khu vực cảng Mỹ Thủy (quy mô khoảng 3,5 ha).

b) Định hướng quy hoạch san nền và thoát nước mưa:

- Cao độ nền xây dựng:

+ Khu chức năng công nghiệp: Cao độ khống chế nền xây dựng đảm bảo lớn hơn mực nước thiết kế có tần suất $P \leq 1\%$. Cụ thể $H_{XD} \geq 4,0$ m;

+ Khu vực đất dân dụng: Cao độ khống chế nền xây dựng cho khu dân dụng $H_{XD} \geq 3,5$ m. Khu vực đã xây dựng, khu dân cư hiện hữu giữ nguyên hiện trạng;

+ Khu vực có các cồn cát: Giữ cốt cao độ hiện trạng (cao độ $7 \div 8$ m, cao hơn cốt không chế), trong điều kiện cụ thể có thể san gạt, tạo nguồn đất đắp cho các khu vực khác.

Nền xây dựng khu vực tuân thủ nguyên tắc tạo hướng dốc chính thấp dần về phía biển, phần diện tích dốc về phía Tây Nam theo hướng dốc địa hình tự nhiên.

- Thoát nước mưa:

+ Hệ thống thoát nước riêng. Xây dựng các tuyến mương xây hờ, thoát nước mưa đồng thời cải tạo vi khí hậu khu vực; cao độ đáy mương ở vị trí cao nhất cao hơn mực nước đỉnh triều ứng với tần suất 10% ($H = 0,63$ m);

+ Trong các khu vực công nghiệp có nguy cơ phát thải các chất thải nguy hại. Hệ thống thoát nước phải có bộ phận tách các thành phần nguy hại trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của toàn khu vực quy hoạch.

c) Định hướng quy hoạch cấp nước:

- Quy hoạch cấp nước sản xuất, sinh hoạt:

Tổng nhu cầu cấp nước giai đoạn 1 (đến năm 2025) khoảng 75.000 m³/ngày đêm và giai đoạn 2 (đến năm 2035) khoảng 110.000 m³/ngày đêm.

Giai đoạn 1:

+ Xây dựng nhà máy nước Sông Nhùng công suất 50.000m³/ngày đêm phục vụ cấp nước cho Khu kinh tế.

+ Xây dựng nhà máy nước Nam Thạch Hãn công suất khoảng 55.000 m³/ngày đêm - 60. 000 m³/ngày đêm phục vụ thị xã Quảng Trị và khu vực phát triển giai đoạn đầu của Khu kinh tế.

+ Xây dựng tuyến ống truyền dẫn nước sạch $D = 1.000$ mm từ nhà máy nước Sông Nhùng, Sông Thạch Hãn về Trạm bơm tăng áp Khu kinh tế Đông Nam 1 để cấp cho Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị.

+ Nước cấp cho khu vực điểm dân cư nông thôn thực hiện theo chương trình xây dựng nông thôn mới.

Giai đoạn 2:

+ Nâng công suất nhà máy nước Nam Thạch Hãn lên 100.000 m³/ngày đêm, trong đó cấp cho toàn bộ Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị và thị xã Quảng Trị.

+ Xây dựng thêm 01 tuyến ống truyền tải nước sạch $D = 1.000$ mm chạy song song với tuyến hiện hữu của Nhà máy nước Hải Lăng 2 về Trạm bơm tăng áp Nam Thạch Hãn 1 hiện hữu.

+ Nâng công suất Trạm bơm tăng áp Nam Thạch Hãn 1 công suất giai đoạn 2 là $110.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; Trạm bơm tăng áp 2 công suất là $20.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

+ Xây dựng tuyến ống nước thô $D = 1.000$ mm lấy nước từ Hồ Trám bổ sung nguồn nước thô dự phòng cho nhà máy nước Sông Nhùng.

+ Nước cấp cho khu vực điểm dân cư nông thôn thực hiện theo chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Quy hoạch cấp nước thô:

Tổng nhu cầu dùng nước thô giai đoạn 1 là $180.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; trong đó nước làm mát cấp cho Nhà máy nhiệt điện $90.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; giai đoạn 2 là $330.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; trong đó nước làm mát cấp cho Nhà máy nhiệt điện là $175.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

Nước thô làm mát của Nhà máy nhiệt điện sẽ được lấy từ nước biển $175.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Toàn bộ nhu cầu nước thô còn lại sẽ được cấp từ nguồn nước mặt hồ Trám.

+ Giai đoạn 1: Xây dựng tuyến ống dẫn nước thô $D = 1.200$ mm từ hồ đập Trám về Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị cấp đến điểm đầu nối lấy nước tại khu vực dự án Trung tâm phức hợp năng lượng.

+ Giai đoạn 2: Xây dựng tuyến ống $D = 1.200$ mm chạy song song tuyến hiện hữu về cấp cho Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị bổ sung nước thô giai đoạn 2 cho các dự án.

- Cấp nước chữa cháy:

Hệ thống cấp nước chữa cháy trong Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị sử dụng hệ thống chữa cháy áp lực thấp. Trên mạng đường ống cấp nước sạch bố trí các trụ cứu hỏa $D100 - D125$ mm dọc các trục đường chính với khoảng cách $150 - 300$ m bố trí 1 trụ. Bố trí thêm các trụ cứu hỏa $D125$ mm trên mạng đường ống dẫn nước thô để tăng nguồn dự trữ nước chữa cháy. Ngoài ra các nhà máy xí nghiệp công nghiệp phải có hệ thống phòng cháy chữa cháy riêng để chủ động chữa cháy.

d) Định hướng quy hoạch cấp điện:

Nguồn điện:

- Nguồn 500KV: Xây dựng mới Trạm 500KV Đông Nam Quảng Trị trong khu vực Nhà máy điện công suất 2×450 MVA.

- Nguồn 220KV: Xây dựng mới Trạm 220KV Đông Nam Quảng Trị trong khu vực Nhà máy điện công suất 2x250MVA.

+ Giai đoạn 1 (đến năm 2025): Sử dụng nguồn điện từ Trạm biến áp Đông Hà công suất 220/110KV - 2x125KVA; khi Nhà máy điện Quảng Trị phát điện lên lưới 500KV và 220KV, sử dụng nguồn điện của Nhà máy.

+ Giai đoạn 2 (đến năm 2035): Thêm nguồn điện từ Trạm Hải Lăng 220/110KV - 2x125MVA (Trạm Đông Hà lúc đó có quy mô 2x250MVA).

- Nguồn 110KV: Xây dựng mới Trạm 110/22kV Mỹ Thủy, quy mô công suất 2x40MVA. Trạm biến áp này là TBA chuyên dùng, cấp điện trực tiếp cho khu vực Cảng Mỹ Thủy và phụ tải trong Khu Đông Nam Quảng Trị. Xây dựng mới 4 trạm 110KV cấp cho các khu vực khác.

- Lưới điện 22KV:

+ Các đường trung thế 22KV tại các cụm công nghiệp được thiết kế mạch vòng, vận hành hở tại các điểm đã xác định trước. Mạng lưới này có thể được cấp điện từ 2 trạm biến áp 110KV hoặc từ 2 thanh cái phân đoạn của trạm 110KV có 2 máy biến áp.

Các khu vực có yêu cầu an toàn công nghiệp, yêu cầu mỹ quan đô thị sử dụng các đường dây cáp ngầm khô, ruột đồng, cách điện XLPE có tiết diện chung $\geq 240 \text{ mm}^2$ và thực hiện đấu nối chuyển tiếp.

Nguồn cấp được lấy từ đường cao áp 22KV dẫn đến các trạm hạ áp trong các khu chức năng ... bằng cáp ngầm chạy trong các hào công nghiệp dọc 2 bên đường các trục chính. Tại các lô đất chính của các khu chức năng đều có bố trí các ga phục vụ đầu nối.

+ Trạm biến áp phân phối 22/0,4KV: Phục vụ công nghiệp chọn gam công suất phù hợp. Đối với các trạm biến áp công cộng phục vụ chiếu sáng và sinh hoạt dân dụng chọn trạm treo công suất từ 50 - 400KVA.

+ Khu vực công nghiệp: Các trạm biến áp dự kiến công suất 2.000 - 4.000KVA

- Lưới điện 0,4KV:

+ Bên trong các nhà máy xí nghiệp: Khuyến khích mạng đi ngầm. Mạng hạ thế cấp điện trong cảng từ máy biến áp (MBA) đặt trong trạm đến các phụ tải bằng các đường cáp đi ngầm (có ống bảo vệ) dọc theo mép đường, mép bãi để cấp đến các công trình. Cung cấp điện cho các phụ tải được lấy qua các tủ phân phối điện có thiết bị đóng ngắt tự động đồng bộ.

+ Tại các khu dân cư: Dùng dây nổi có bọc cách điện ABC, trục chính có tiết diện từ 70 - 120 mm^2 , nhánh rẽ từ 35 - 70 mm^2 .

- Lưới điện chiếu sáng đường: Các đường có mặt cắt ngang lòng đường từ 11 m trở lên đèn bố trí ở 2 bên hè đường, các đường có mặt cắt ngang đường nhỏ hơn 11 m bố trí đèn ở 1 bên hè đường. Điều khiển chiếu sáng được thực hiện bằng thiết bị tự động.

đ) Định hướng quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Hệ thống thoát nước:

Hệ thống thoát nước thải riêng, nước mưa riêng. Toàn bộ nước thải được thu gom bằng các đường cống tròn tự chảy có kích thước D300 ÷ D800 mm, đường cống áp lực có kích thước Ø100 ÷ Ø400 mm và trung chuyển bằng các trạm bơm đưa về các trạm xử lý nước thải trước khi xả ra môi trường.

+ Đối với khu vực xây dựng phát triển đô thị: Xây dựng hệ thống thoát nước và trạm xử lý nước thải có công suất 3.000 m³/ngày đêm (được xác định cụ thể theo quy hoạch từng đô thị).

+ Đối với khu vực xây dựng các khu công nghiệp tập trung: Các khu, cụm công nghiệp khi xây dựng sẽ thiết kế hệ thống thoát nước và xử lý nước thải theo dự án riêng phù hợp với thành phần và tính chất của mỗi loại hình công nghiệp. Nước thải các khu công nghiệp phải đạt giới hạn B của QCVN: 24 - 2009 mới xả ra môi trường. Các nhà máy có thải ra khí độc hại hoặc khói bụi yêu cầu có thiết bị khử lọc khói bụi đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi xả ra môi trường.

+ Khu phức hợp năng lượng: Xây dựng đường cống, trạm bơm thu nước thải về trạm xử lý tập trung có công suất 13.000 m³/ngày đêm.

+ Khu công nghiệp xử lý các sản phẩm dầu: Xây dựng đường cống, trạm bơm thu nước thải về trạm xử lý tập trung có công suất 15.000 m³/ngày đêm.

+ Khu công nghiệp xử lý các sản phẩm khí: Xây dựng đường cống, trạm bơm thu nước thải về trạm xử lý tập trung có công suất 10.000 m³/ngày đêm.

+ Khu công nghiệp nhiệt điện: Xây dựng đường cống, trạm bơm thu nước thải về trạm xử lý tập trung có công suất 4.000 m³/ngày đêm.

+ Khu Logistics, hậu cần cảng: Xây dựng đường cống, trạm bơm thu nước thải về trạm xử lý tập trung có công suất 4.000 m³/ngày đêm.

+ Khu vực cảng: Xử lý nước dằn tàu, trạm làm sạch xây dựng ở gần khu vực cảng. Tách dầu ra khỏi nước sau đó xả ra biển (cụ thể được thiết kế theo dự án riêng).

- Xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt sẽ xử lý cục bộ bằng bể tự hoại sau đó đưa về trạm làm sạch để xử lý tập trung.

+ Nước thải công nghiệp sẽ được xử lý 2 lần: Lần 1 xử lý cục bộ trong từng nhà máy, xí nghiệp đạt giới hạn C, lần 2 xử lý tại trạm làm sạch tập trung đạt giới hạn B theo QCVN: 24 - 2009.

+ Đối với nước làm mát nhà máy nhiệt điện: Sử dụng nước thô hoặc nước biển, công nghệ tuần hoàn, trước khi xả ra môi trường phải xử lý làm nguội đảm bảo tiêu chuẩn

- Quy hoạch quản lý chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Tổng lượng phát thải 30 tấn/ngày đêm, phân loại tại nguồn, chất thải rắn hữu cơ tận dụng để sản xuất phân vi sinh; chất thải rắn vô cơ sẽ được thu hồi để tái chế, các chất thải rắn không sử dụng được vào các mục đích trên sẽ được chôn lấp hợp vệ sinh;

+ Chất thải rắn công nghiệp: Tổng lượng phát thải 548 tấn/ngày đêm. Thu gom 100%, tập trung vào nơi quy định. Vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn công nghiệp chung của toàn khu vực;

+ Xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn công nghiệp trong Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị (phạm vi phục vụ gồm huyện Triệu Phong, Hải Lăng); vị trí tại vùng cát thuộc xã Triệu Trạch, quy mô khoảng 20 ha;

+ Xây dựng các bãi chôn lấp xử lý chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh phục vụ cho các đô thị (cụ thể hóa trong quy hoạch đô thị).

- Quy hoạch nghĩa trang:

+ Di dời một số nghĩa trang rải rác hiện có nằm trong các khu vực triển khai xây dựng các dự án;

+ Quy hoạch cải tạo mở rộng nghĩa trang hiện trạng tại vùng cát thuộc xã Triệu Trạch với quy mô khoảng 50 ha; bố trí hành lang cách ly xung quanh nghĩa trang, đảm bảo các tiêu chuẩn hiện hành về vệ sinh môi trường.

e) Định hướng quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

Phát triển mạng truy nhập quang theo mô hình mạng NGN đa dịch vụ; khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và doanh nghiệp đầu tư hạ tầng, tham gia khai thác và cung cấp dịch vụ viễn thông Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị.

g) Đánh giá môi trường chiến lược:

- Trong giai đoạn đầu (đến năm 2025), xử lý ô nhiễm không khí và môi trường nước đối với các khu công nghiệp và các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu:

+ Tăng cường mật độ cây xanh: Tổ chức không gian cây xanh và các không gian mở trong đô thị, tổ chức không gian cây xanh đường phố, khu nhà ở, Khu công nghiệp...;

+ Khi bố trí các nhà máy trong Khu công nghiệp cần phân chia thành các nhóm ngành khác nhau căn cứ vào mức độ ô nhiễm nặng, trung bình, nhẹ để bố trí gần nhau. Các nhà máy ô nhiễm nặng bố trí cuối hướng gió so với nhà máy ô nhiễm nhẹ hoặc không ô nhiễm. Khu xử lý nước thải, trạm trung chuyển chất thải rắn bố trí cuối hướng gió;

+ Không chế và giảm thiểu ô nhiễm do chất thải của Dự án xây dựng Nhà máy nhiệt điện;

+ Tăng cường các biện pháp cải thiện môi trường phù hợp với xu thế biến đổi khí hậu và tác động của các hiện tượng khí hậu cực đoan, trong đó đáng chú ý nhất là hạn hán trong mùa khô, xâm thực mặn và mưa lớn, lũ lụt đảm bảo phát triển bền vững.

- Giải pháp về kỹ thuật:

+ Hệ thống kết cấu hạ tầng trong Khu kinh tế phải được thiết kế đồng bộ, đảm bảo thuận tiện trong xây dựng, sửa chữa, vận hành, tiết kiệm sử dụng đất và tuân theo Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam, đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường;

+ Phải bố trí địa điểm tạm lưu giữ và trung chuyển chất thải rắn trong Khu công nghiệp; phải xác định rõ cơ sở tiếp nhận, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại của các khu công nghiệp;

+ Phải tách riêng hoàn toàn hệ thống thoát nước thải với hệ thống thoát nước mưa. Mạng lưới thu gom nước thải công nghiệp phải có vị trí, cốt hố ga phù hợp để đấu nối với điểm xả nước thải của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp;

+ Trong các Khu công nghiệp phải có nhà máy xử lý nước thải tập trung, công suất đủ để xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường. Các nhà máy xử lý nước thải tập trung phải thiết kế lắp đặt hệ thống quan trắc tự động;

+ Đối với Nhà máy nhiệt điện việc không chế và giảm thiểu ô nhiễm có thể được tiến hành bằng cách kết hợp 3 biện pháp (Biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm và sự cố; biện pháp không chế ô nhiễm và xử lý chất thải và biện pháp quản lý và quan trắc môi trường);

+ Đối phó với Biến đổi khí hậu trên địa bàn đặc biệt là hạn hán và xâm thực mặn cần tiến hành các biện pháp cụ thể như:

Khoan giếng, đào kênh, đặt ống để dẫn nước, điều tiết nước các hồ thủy điện để bổ sung nước cho hạ du vào thời kỳ khô hạn và cân đối bảo đảm nguồn nước cho cả năm, việc xả nước chỉ ở mức độ hạn chế.

Điều chỉnh cơ cấu cây trồng theo hướng chuyển dịch mùa vụ một cách phù hợp, bảo đảm hiệu quả.

Về lâu dài, để ứng phó hiệu quả với khô hạn, xâm nhập mặn, giải pháp cơ bản là nghiêm cấm việc phá rừng, phòng cháy rừng và phát triển trồng rừng để tăng khả năng giữ nước. Tập trung điều tra, khảo sát và quan tâm khai thác hợp lý nguồn nước ngầm, đặc biệt ở những khu vực nguồn nước mặt thường xuyên bị cạn kiệt do lượng mưa thấp và mùa khô kéo dài. Đầu tư xây dựng các công trình cấp nước bền vững, ít chịu tác động của yếu tố thời tiết.

- Giải pháp về quản lý:

+ Thực hiện các nội dung về bảo vệ môi trường trong Khu kinh tế đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;

+ Ban Quản lý Khu kinh tế, Khu công nghiệp là các tổ chức chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý công tác bảo vệ môi trường theo sự ủy quyền của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; có tổ chức chuyên môn, cán bộ phụ trách về bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 81/2007/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường tại cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước;

+ Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp phải có bộ phận chuyên môn hoặc cán bộ phụ trách về môi trường theo quy định của pháp luật;

+ Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong Khu công nghiệp bố trí cán bộ kiêm nhiệm theo dõi công tác bảo vệ môi trường;

+ Khu công nghiệp và giữa các dự án trong Khu công nghiệp phát sinh nhiều nguồn khí thải và tiếng ồn phải được bố trí ở cuối hướng gió chủ đạo đối với Khu công nghiệp và được cách ly với các đô thị và các khu chức năng yên tĩnh khác bằng các dải cây xanh có chiều rộng theo quy định; các dự án phát sinh nhiều nước thải phải được bố trí gần nhau và ở cuối nguồn nước của Khu công nghiệp;

+ Quy hoạch sử dụng đất các khu chức năng của Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị phải phù hợp với điều kiện tự nhiên, hiện trạng môi trường của khu vực và kế hoạch phòng chống thiên tai, động đất, bão lụt, nước biển dâng;

+ Bảo vệ môi trường Khu công nghiệp phải được thực hiện thường xuyên, lấy phòng ngừa là chính trong tất cả các giai đoạn;

+ Quy hoạch xây dựng Khu công nghiệp Đông Nam Quảng Trị phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của vùng, hạn chế sử dụng đất canh tác nông nghiệp có năng suất cao, đảm bảo phát triển bền vững và an ninh quốc phòng;

+ Quy hoạch các Khu công nghiệp phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

9. Các chương trình, dự án ưu tiên:

a) Chương trình: Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung vùng ven biển phía Đông tỉnh Quảng Trị; xây dựng mô hình "Nông nghiệp - đô thị" trong Khu kinh tế.

b) Dự án ưu tiên giai đoạn đến năm 2025:

- Hạ tầng kỹ thuật:

+ Nâng cấp, mở rộng cảng Cửa Việt (cả bờ Bắc và bờ Nam); mở rộng Quốc lộ 9 đoạn nối từ thành phố Đông Hà đến cầu Cửa Việt; nâng cấp Quốc lộ 49C; tuyến Quốc lộ 15D từ Cửa khẩu quốc tế La Lay về Cảng Mỹ Thủy (nâng cấp mở rộng đoạn từ Cảng Mỹ Thủy đến Quốc lộ 1 và thông toàn tuyến từ Cửa khẩu quốc tế La Lay về Cảng Mỹ Thủy); xây dựng đường trung tâm dọc Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị; xây dựng Cảng hàng không, sân bay Quảng Trị (giai đoạn 1);

+ Xây dựng nhà máy nước sông Nhùng, công suất 50.000 m³/ngày đêm; xây dựng mạng lưới cấp nước sạch cho các dự án trong giai đoạn đầu, lắp đặt hệ thống tuyến cấp nước thô cho trung tâm điện lực;

+ Xây dựng mới Trạm biến áp 110/22KV Mỹ Thủy quy mô công suất 2x40MVA;

+ Xây dựng Trạm xử lý nước thải tại các khu công nghiệp thực hiện trong giai đoạn đầu, khu nhiệt điện công suất 13.500 m³/ngày đêm, khu cảng - hậu cảng công suất 10.600 m³/ngày đêm. Xây dựng nhà máy xử lý rác thải công nghiệp 3 ha tại xã Triệu Trạch.

- Hạ tầng kinh tế:

+ Xây dựng Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1 công suất 1.320MW; xây dựng Khu phức hợp năng lượng; xây dựng Cảng Mỹ Thủy, xây dựng mới khu Logistics số 1 kế cận cảng; xây dựng hoàn thiện Khu công nghiệp Quán Ngang;

+ Xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng ven biển Cửa Việt quy mô 141 ha, tại Hải Khê là 50 ha, quy hoạch khu du lịch Bắc Cửa Việt, xây dựng trung tâm thương mại tại các khu đô thị mới;

+ Xây dựng vùng nuôi trồng thủy sản chất lượng cao.

- Hạ tầng xã hội:

Nâng cấp, xây mới các công viên, vườn hoa, quảng trường: Công viên trung tâm, quảng trường và công viên trung tâm thị trấn Cửa Việt; hoàn thiện hệ thống thiết chế nhà văn hóa, xây dựng trung tâm y tế chất lượng cao tại đô thị Nam Cửa Việt.

- Phát triển đô thị và nông thôn:

Triển khai dự án tái định cư cho các hộ dân thuộc diện giải tỏa khi tiến hành đầu tư xây dựng giai đoạn đầu Khu kinh tế; cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp thị trấn Cửa Việt; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Nam Cửa Việt, trung tâm cụm xã Bồ Bản; triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới tại các xã trong Khu kinh tế.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng công bố công khai Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị tỉnh Quảng Trị đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

- Lập và ban hành Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị tỉnh Quảng Trị đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện quy hoạch làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo nhằm cụ thể hóa đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị tỉnh Quảng Trị đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

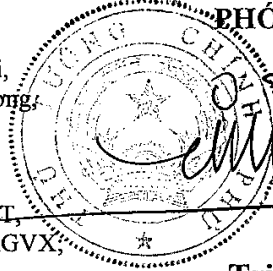
- Xây dựng, đề xuất cơ chế chính sách, nguồn lực tài chính, nhân lực, thực hiện các dự án hạ tầng kỹ thuật để tạo động lực phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Trị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./:

Nơi nhận

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng, Tài chính, Giao thông vận tải, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Trị;
- VPCP: BTCN, các PCN, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, TKBT, KTTH, NC, V.III, KGVX;
- Lưu: VT, KTN (3).XH 40



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trịnh Đình Dũng

www.LuatVietnam.vn